TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 445/2023/HC-PT
Ngày: 21/6/2023
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Hưng;

Ông Bùi Xuân Trọng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Đỗ Quyên, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa công khai xét xử trực tuyến vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 109/2023/TLPT-HC ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2022/HC-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6535/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2023 giữa:

** Người khởi kiện*: Ông Chu Văn X, sinh năm 1946, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Nơi cư trú: Xóm A (xóm A cũ), xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo ủy quyền của ông X: Ông Trương P, sinh năm 1959 và ông Trương Bạch G, sinh năm 1952, đều có đơn xin xét xử vắng mặt;

Đều trú tại: Xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

***** *Người bị kiện*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) huyện D, tỉnh Nghệ An và UBND huyện D, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tăng Văn L, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mạnh H; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện (theo văn bản ủy quyền số 3221/UBND-GUQ, ngày 20/12/2021), có đơn xin xét xử vắng mặt.

***** *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn V; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Chu Thị N, sinh năm 1954, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Trương P và ông Trương Bạch G, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Đều trú tại: Xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

* *Người kháng cáo*: Ông Chu Văn X là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện trình bày như sau:

Năm 1994, UBND xã D có bán cho ông Chu Văn X 01 thửa đất giáp trục đường Quốc lộ 1A với giá 6.600.000 đồng, với tổng diện tích 530,5m^2. Đến năm 1996 ông X được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất thửa đất số 54, tờ bản đồ 112-64, diện tích 280m^2 (vì bìa đất cấp sau dự án PMU1, nên phần diện tích nằm trong chỉ giới PMU1 không ghi vào bìa).

Năm 2014, nhà nước mở rộng đường Q, UBND huyện D đã thu hồi 140,1m^2 đất của gia đình ông nhưng mới chỉ đền bù 29,8m^2 trong chỉ giới 881, còn lại 101,3m^2 trong chỉ giới PMU1 không có quyết định thu hồi đất, cũng không có quyết định bồi thường và hỗ trợ cho gia đình ông X.

Việc sử dụng đất của gia đình ông là hợp pháp, ổn định, không có tranh chấp, không lấn chiếm, thuộc trường hợp đủ điều kiện được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 74 Luật Đất đai năm 2013; Điều 42, 87, 97 Luật Đất đai 2003; Điều 27 Luật Đất đai năm 1993, Điều 87, 16 Nghị định 197/2004; Điều 45, 92 Nghị định 181/2004; Điều 47 Nghị định 84/2007; Điều 14 Nghị định 69/2009; Điều 12 Nghị định 47/2014 và các công văn chỉ đạo của các cấp như: Công văn 3027 và Công văn 1297 của Bộ T, Công văn 7947 của UBND tỉnh N, Công văn 4942 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N, nhưng UBND huyện D vẫn không thực hiện làm ảnh hưởng quyền và lợi ích của gia đình ông, nên ông X đã làm đơn khiếu nại.

Ngày 09/3/2021, Chủ tịch UBND huyện D ban hành Quyết định số 666/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 666) về việc giải quyết khiếu nại của ông X. Theo đó, không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông. Vì vậy, ông

khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định 666 về việc giải quyết khiếu nại đối với ông;

- Buộc UBND huyện Diễn Châu phải ban hành quyết định thu hồi đất trong phạm vi PMU1;

- Lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất đã thu hồi của gia đình ông trong chỉ giới PMU1 là 101,3m^2.

Người bị kiện là UBND và Chủ tịch UBND huyện D trình bày:

- Cơ sở pháp lý: Căn cứ Quyết định số 2054/QĐ-KHDT ngày 19/10/1993 của Bộ G1 về phê duyệt kế hoạch tái định cư và khôi phục đời sống của những người bị ảnh hưởng bởi dự án khôi phục Quốc lộ A; căn cứ công văn số 3027/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 12/6/2018 của Bộ T về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện dự án Quốc lộ A trên địa bàn tỉnh Nghệ An, công văn số 1297/BTNMT-TCQLĐĐ, ngày 21/3/2019 của Bộ T về bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Quốc lộ A trên địa bàn tỉnh Nghệ An; công văn số 1476/TCQLĐĐCKTPQĐ ngày 20/8/2018 của T1 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Quốc lộ A; công văn số 1268/PMUI-QLDA2 ngày 28/7/2010 của Ban Q - Bộ G1 về thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án WB1, Quốc lộ A A trên địa bàn tỉnh Nghệ An; công văn số 8124/UBND-BTD ngày 19/10/2017 của UBND tỉnh N về phương án giải quyết đơn thư khiếu kiện về bồi thường dự án nâng cấp Quốc lộ A qua tỉnh Nghệ An; công văn số 4696/UBND-BTD, ngày 29/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc chỉ đạo giải quyết đơn thư khiếu nại của công dân về bồi thường GPMB Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A; công văn số1956/UBND-BTD, ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh N giải phóng mặt bằng Quốc lộ A, về việc xử lý vướng mắc và đẩy nhanh tiến độ giải quyết đơn thư về bồi thường; công văn số 4941/STNMT-QLĐĐ, ngày 22/8/2018 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh N.

- Căn cứ kết quả xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và hồ sơ địa chính thể hiện: Gia đình ông Chu Văn X sử dụng diện tích 280m^2, thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 112-62 (thửa đất số 17, tờ bản đồ trích đo số 9), loại đất ở và đất vườn sử dụng từ năm 1992 đến nay không có tranh chấp. Về hồ sơ quản lý đất đai lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã D thì theo Bản đồ 364 lập năm 1994 thể hiện thửa đất 54, tờ bản đồ 112-64 diện tích 280m^2. Tại Báo cáo số 71/BC-UBND, ngày 23/02/2021 của UBND xã D cho thấy, xã xác nhận diện tích đất của các hộ gia đình, cá nhân ngoài phạm vi mốc PMU1 trở xuống phía Đông đã được giao đất và cấp GCNQSD đất, còn diện tích từ mốc PMU1 trở lên phía tây (đường Q) là phần diện tích không được giao và không được cấp GCNQSD đất, cụ thể: Phần diện tích 101,3m^2 nằm trong phạm vi PMU1 thuộc thửa đất trích đo số 17, tờ bản đồ số 9 (là thửa 54 theo hồ sơ địa chính, tờ bản đồ địa chính số 112-62), xã D nằm trong hành lang giao thông không giao và cấp GCNQSD đất cho ông Chu Văn X.

- Về phạm vi ảnh hưởng bởi dự án, hồ sơ thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A: Thửa đất ông

Chu Văn X có tổng diện tích 530,5m^2, diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A là 131,3m^2 (tính từ mép nhựa cũ đến mốc 881/QĐ-BGTVT của Bộ G1). Trong đó: Diện tích đất nằm trong phạm vi đã giải tỏa của dự án PMU1 là 101,3m^2, diện tích đất nằm ngoài phạm vi PMU1 (từ mốc PMU1 đến mốc GPMB 881) là 29,8m^2. Căn cứ vào hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng thì UBND huyện D đã thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ cho ông Chu Văn X đối với phần diện tích bị ảnh hưởng nằm ngoài phạm vi PMU1 là 29,8m^2; phần diện tích đất nằm trong phạm vi PMU1 101,3m^2 UBND huyện không ban hành quyết định thu hồi đất và ông X không được xem xét bồi thường, hỗ trợ.

Do đó, khiếu nại của ông Chu Văn X không có cơ sở, nên UBND, Chủ tịch UBND huyện D không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã D trình bày:

Phần diện tích đất của các hộ gia đình, cá nhân từ mốc PMU1 trở xuống phía đông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn phần diện tích đất từ mốc PMU1 trở lên phía tây, đường Q là phần diện tích không cấp vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể phần diện tích 101,3m^2 nằm trong phạm vi PMU1 không cấp vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên không có cơ sở để bồi thường diện tích 101,3m^2 đất trong phạm vi PMU1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị N trình bày: Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Chu Văn X và thống nhất như trình bày của ông X.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2022/HC-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; Điều 157 và Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 18, Điều 28, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại; Điều 66; Điều 69; Điều 74; Điều 75; Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 47 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2016; Điều 12; Điều 32 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Chu Văn X yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc giải quyết khiếu nại của ông Chu Văn X (lần đầu); buộc Ủy ban nhân dân huyện D ban hành quyết định thu hồi đất và lập phương án phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khi thu hồi đất đối với phần diện tích 101,3m^2 đất của gia đình ông Chu Văn X do thực hiện dự án mở rộng nâng cấp Quốc lộ A.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 16/9/2022, người khởi kiện là ông Chu Văn X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ thì thấy Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Chu Văn X là đúng quy định. Tại cấp phúc thẩm, phía người khởi kiện không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính là Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc giải quyết khiếu nại của ông Chu Văn X (lần đầu); đồng thời buộc Ủy ban nhân dân huyện D ban hành quyết định thu hồi đất và lập phương án phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khi thu hồi đất đối với phần diện tích 101,3m^2 đất của gia đình ông Chu Văn X do thực hiện dự án mở rộng nâng cấp Quốc lộ A. Đây là quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch và UBND huyện D, là vụ việc thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và người ban hành quyết định hành chính là Chủ tịch UBND cấp huyện, nên thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 09/3/2021, Chủ tịch UBND huyện D ban hành Quyết định 666, đến ngày 24/3/2021 ông Chu Văn X có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An là đang trong thời hạn một năm, nên đang trong thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án: Tòa cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bà N vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt; tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự cũng như người đại diện theo ủy quyền của đương sự đều vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

** Về nội dung:*

[3] Theo hồ sơ quản lý đất đai của ông X thể hiện: Căn cứ vào giấy xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng do Ủy ban nhân dân xã D, huyện D xác nhận (kèm hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng dự án mở rộng nâng cấp Quốc lộ A của hộ ông Chu Văn X) thể hiện: Ông đang sử dụng diện tích 280m2, thuộc thửa số 54, tờ bản đồ số 112-64 (bản đồ 364) và thuộc thửa số 17, tờ bản đồ số 9 (bản đồ trích đo năm 2011), nguồn gốc đất do Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; loại đất bao gồm đất ở và đất vườn, sử dụng từ năm 1992 không có tranh chấp; ngày 25/3/1996 ông Chu Văn X được UBND huyện Diễn Châu cấp GCNQSD đất đối với thửa số 54, tờ bản đồ số 112-64 với diện tích 280m^2 (trong đó có 180m^2 đất ở và 100m^2 đất vườn).

[4] Về phạm vi ảnh hưởng của dự án đối với thửa đất của ông Chu Văn X: Theo trích đo phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thì thửa đất ông Chu Văn X có tổng diện tích là 530,5m^2; diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A là 131,1m^2 (tính từ mép nhựa cũ đến mốc 881/QĐ-BGTVT của Bộ G1), trong đó diện tích đất nằm trong phạm vi đã giải tỏa của dự án PMU1 là 101,3m^2, diện tích đất nằm ngoài phạm vi PMU1 (từ mốc PMU1 đến mốc GPMB 881) là 29,8m^2, đã được bồi thường.

Tại Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã D, huyện D báo cáo về kết quả xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất đai xã D phục vụ công tác giải quyết đơn thư khiếu nại tuyến đường Q xác định: Do hồ sơ giao đất, cấp đất, hồ sơ địa chính trước đây không còn lưu giữ đầy đủ nên Hội đồng đăng ký đất đai xã không xác định được tại thời điểm bán đất năm 1994 trở về trước phạm vi giao đất và bán đất tại vị trí nào của các hộ tuyến Quốc Lộ A. Nhưng căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 1996 và bản đồ 364 lưu tại Ủy ban nhân dân xã thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ gia đình đã được cấp từ phạm vi PMU1 trở xuống phía Đông, còn từ PMU1 trở lên phía Tây đường 1A là phần diện tích không được cấp vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình; cụ thể UBND xã D xác nhận phần diện tích 101,3m^2 mà ông X đang khiếu nại nằm trong phạm vi PMU1 thuộc thửa đất trích đo số 17, tờ bản đồ số 9 xã D thuộc hành lang giao thông. Theo Quyết định số 2054/QĐ-KHDT ngày 19/10/1993 của Bộ trưởng Bộ G1 về phê duyệt kế hoạch tái định cư và khôi phục đời sống của những người dân bị ảnh hưởng bởi dự án khôi phục quốc lộ A. Theo đó, phạm vi giải tỏa Quốc lộ A là 07m tính từ chân mái đường đắp hoặc đỉnh mái đường đào trở ra mỗi bên; thực hiện giải tỏa hành lang 07m, trong đó tài sản được đền bù, đối với đất chỉ đền bù đối với phần diện tích mở rộng nền đường, phần diện tích còn lại tiếp tục được sử dụng nhưng không được xây dựng công trình (sử dụng vào mục đích nông nghiệp), GCNQSD đất cấp cho ông X tại trang 4 thể hiện rõ nội dung này; phần diện tích 07m đến 20m chưa thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng. Theo công văn số 1993/PMU1, ngày 14/7/1995 của Bộ G1 thì đối với các hộ dân không phải di chuyển đi nơi khác, phần đất trong hành lang giải tỏa không được đền bù (trừ phần đường mở rộng). Tại thời điểm giao đất cho ông Chu Văn X (năm 1992) thì Nghị định số 203/HĐBT, ngày 21/12/1982 đã có hiệu lực pháp luật, nên theo quy định phần diện tích đất nằm trong hành lang giao

thông không được cấp GCNQSD đất. Hơn nữa, hiện tại diện tích đất của gia đình ông X đang sử dụng lớn hơn diện tích đất được cấp GCNQSD đất; ngoài GCNQSD đất thì ông X không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình; chính vì thế nên UBND huyện D xác định diện tích 101,3m^2 không thuộc quyền sử dụng của gia đình ông X, mà nằm trong phạm vi PMU1 từ đó không ban hành quyết định thu hồi đất, cũng như lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với gia đình ông X là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên việc ông X yêu cầu buộc UBND huyện Diễn Châu ban hành quyết định thu hồi đất, đồng thời lập phương án bồi thường đối với diện tích đất này không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Xem xét tính hợp pháp của Quyết định 666, thấy: Do không đồng ý với việc thu hồi đất, kết quả phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ A trên địa bàn tỉnh Nghệ An; ông Chu Văn X đã có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện D, sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện D đã thụ lý đơn khiếu nại; ngày 09/9/2020 ban hành Quyết định số 3209/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung đơn khiếu nại; các cơ quan chuyên môn đã tổ chức xác minh, tiến hành đối thoại với người khiếu nại; trên cơ sở kết quả xác minh, đối thoại thấy rằng việc khiếu nại của ông Chu Văn X không có căn cứ, nên Chủ tịch UBND huyện D đã ban hành Quyết định số 666 về việc giải quyết khiếu nại của ông X. Theo đó, như đã phân tích ở trên thì việc UBND huyện Diễn Châu không ban hành quyết định thu hồi diện tích 101,3m^2, cũng như không lập phương án để bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất này là có căn cứ, nên Chủ tịch UBND huyện D đã không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông X.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng trình tự, quy định của pháp luật; đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; ông X kháng cáo nhưng không có thêm tình tiết gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra ông X phải nộp án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng ông X là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí, nên miễn án phí phúc thẩm cho ông X.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Chu Văn X; giữ nguyên quyết

định của Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2022/HCST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Chu Văn X.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**** Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm